

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P6+P8	7:25	5+11+6	0+0+0		1+10+11	0+0+0	
2		P9+P1	7:25	7+15	0+0		1+21	0+0	
3		RP1+RP2+P11	9:25	4+3+15	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
4		P11+P10	9:25	4+17	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2025	TO: TD3 - P6 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG -	ETA: 09:20
xanh-1		MQUẢN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DOÀN VIỆT ĐỒNG	TD3	08	1	11	1	10	76	CODIEN	Vietnamese
2	ĐO ĐỨC ANH	TD3	07	1	12	9	100	75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC BÌNH	TD3	08	1	17			71	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT LỘC	TD3	09	1	4			57	PSV	Vietnamese
5	PHAN TUẤN ĐẠT	P6	88	1	13			90	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	P6	63-64	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯƠNG THẾ HUY	P6	92-93	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC ANH	P6	90-91	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN SỸ	P6	61-62	2	19			61	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VĂN HÙNG	P6	94-95	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG MANH HA	P6	67-68	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ANH DŨNG	P6	97-98	2	19			81	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐÌNH THANH BÌNH	P6	89	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
14	NHÂM NGỌC THANH	P6	96	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC HUY	P6	65-66	2	19			66	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	P8	14	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P8	19	1	4			66	PSV	Vietnamese
18	LÊ CAO HAI	P8	13	1	5			65	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	15	1	4			81	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	18	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	16-17	2	9			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD3	4	279	4	44	10	110	1			
2		P6	11	795	19	190	0	0	10			
3		P8	6	399	7	37	0	0	11			
		TOTAL	21	1.473	30	271	10	110	22			
		WEIGHT KG		1.473		271		110				

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2025	TO: P9 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

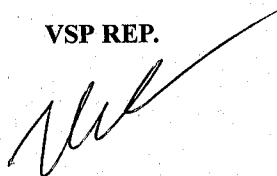
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P9	40	1	8			71	DVL	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG QUY	P9	71,41	2	24			72	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾP	P9	84-85	2	19			77	DVL	Vietnamese
4	PHẠM VĂN SANG	P9	41-42	2	15			70	DVL	Vietnamese
5	LÊ MINH PHƯỢNG	P9	39-40	2	12			61	DVL	Vietnamese
6	PHẠM TRƯỜNG GIANG	P9	38,94	2	9			70	DVL	Vietnamese
7	VŨ VĂN TRUNG	P9	93	1	19			75	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH PHÚ	P1	82-83	2	20			86	SLB	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HÙNG	P1	92	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
10	BUI NGỌC LAM	P1	84	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH HIẾU	P1	90	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐĂNG KHÔI	P1	91	1	9			90	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VĂN DƯƠNG	P1	79	1	15			85	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VINH TRƯỜNG	P1	77-78	2	15			70	DVL	Vietnamese
15	PHẠM THANH TỊNH	P1	75-76	2	20			65	DVL	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	P1	86	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG NGŨ	P1	85	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT MINH	P1	88	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HÙNG	P1	89	1	6			59	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN KHUÛ	P1	87	1	13			62	KHOAN	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN MƯỜI	P1	80	1	15			64	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM PHU BÌNH	P1	81	1	5			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

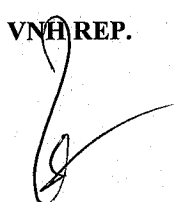
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P9	7	496	12	106	0	0	1			
2		P1	15	1.081	18	150	0	0	21			
		TOTAL	22	1.577	30	256	0	0	22			
		WEIGHT KG		1.577		256		0				

GRAND TOAL: 1.833 KGS

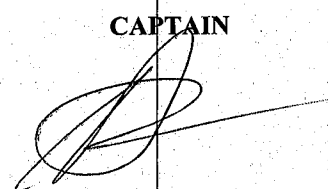
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2025	TO: RP1 - RP2 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG -	ETA: 11:40
CAM - 2		MQUẢN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MINH SỸ	RP1	67	1	10			76	CODIEN	Vietnamese
2	VÔ TIEN PHỤNG	RP1	64	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TRANG	RP1	66	1	8	4	45	63	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN MẠNH	RP1	65	1	7			77	CODIEN	Vietnamese
5	VÔ MINH GIANG	RP2	32-34	3	16			83	NHATHAU	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC TUẤN	RP2	01,31	2	18			77	DK9	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HIỀN	RP2	35	1	7	2	40	74	DVL	Vietnamese
8	BUI VĂN CHÍNH	P11	69	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
9	VÔ VĂN HÙNG	P11	77	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P11	76	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
11	KHUẤT QUANG KIẾN	P11	78-79	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC TUẤN	P11	60	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TIEN DUNG	P11	59	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẦN TUẤN LONG	P11	74-75	2	15			65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC ON	P11	73	1	8			54	KHOAN	Vietnamese
16	PHÙNG QUANG ĐẠI	P11	67-68	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VĂN SƠN	P11	70	1	17			76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG SỸ	P11	65-66	2	21			58	XAYLAP	Vietnamese
19	HUYNH DANG HOAI THANH	P11	71-72	2	10			85	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DUONG	P11	61-62	2	14			59	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT HÙNG	P11	63-64	2	19			82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP1	4	287	4	35	4	45	0			
2		RP2	3	234	6	41	2	40	0			
3		P11	14	978	21	165	0	0	21			
		TOTAL	21	1.499	31	241	6	85	21			
		WEIGHT KG		1.499		241		85				

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/05/2025	TO: P11 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VIỆT - M.ĐỨC - HIẾU	ETA: 11:35
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐÌNH HÙNG	P11	73-74	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
2	VU XUAN HOI	P11	72	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
3	VÔ QUỐC TUẤN	P11	69	1	16			83	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚC SANG	P11	70-71	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HAO	P11	80	1	8			86	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH THỌ	P10	71	1	8			77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P10	83-84	2	14			71	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ QUỐC HUƠNG	P10	65	1	11			74	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P10	63-64	2	18			86	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÀI	P10	66	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LUYỆN	P10	68-69	2	17			72	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CÔNG TƯỜNG	P10	61-62	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG CHUNG	P10	70	1	18			59	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO QUỐC HÙNG	P10	75-76	2	19	1	17	68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU THIÊN	P10	79-80	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P10	67	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LONG	P10	72	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC CHÍN	P10	73-74	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	77-78	2	17			78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HOÀNG	P10	81-82	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THUY	P10	59	1	18			60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH KIẾT	P10	60	1	11			75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P11	5	364	7	74	0	0	0			
2		P10	17	1.194	26	261	1	17	22			
		TOTAL	22	1.558	33	335	1	17	22			
		WEIGHT KG		1.558		335		17				

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+MRM+RCS	7:25	20+2+0	0+0+0		15+1+5	0+0+0	
2		P7+P5+CLO	9:25	0+8+13	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 p7- p5
3		CLO+CTK3+BK6	11:25	10+7+0	0+0+0		1+18+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi tdl về đi CLO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2025	TO: TD1 - MRM - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	20	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VĂN NAM	TD1	14	1	5			88	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BẢO	TD1	16	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1						67	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG ANH TUÂN	TD1	24	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	22	1	5			55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	TD1	23	1	5	1	15	78	KHOAN	Vietnamese
8	QUÁCH VĂN THẮNG	TD1	15	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	30	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	13	1	9			94	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	27	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	29	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ THANH THAI	TD1	32	1	7			92	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỮU HÙNG	TD1	25	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD1	19	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
16	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD1	26	1	10			78	DVL	Vietnamese
17	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	18	1	5			77	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD1	21	1	2			61	DVL	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1	17	1	5			78	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	28	1	3			68	PSV	Vietnamese
21	TRẦN HỨA TUÂN	MRM	01-02	2	19			63	HALIBUR	Vietnamese
22	PIYAPONG SAENGKAO	MRM	99,700	2	19			88	HALIBUR	Thailand

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD1	20	1.453	19	98	1	15	15			
2		MRM	2	151	4	38	0	0	1			
3		RC5	0	0	0	0	0	0	5			
		TOTAL	22	1.604	23	136	1	15	21			
		WEIGHT KG		1.604		136		15				

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/05/2025	TO: P7 - P5 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TOAN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN KIM HA	P5	33-34	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
2	LUU CONG DINH	P5	25	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN BINH	P5	35-36	2	11			71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN HUU CHINH	P5	31-32	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
5	VAN TIEN DUAN	P5	23	1	10	1	12	71	XAYLAP	Vietnamese
6	DAO TRUNG KIEN	P5	29	1	10	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
7	DOAN DINH DUNG	P5	27	1	10	1	12	63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VIET PHONG LUU	P5	26	1	18			91	XAYLAP	Vietnamese
9	DATSKO PAVEL	CLO	800	1	9			117	KHOAN	Russian
10	UVAISOV A. ***	CLO	07	1	5			94	KHOAN	Russian
11	LE MANH THANG	CLO	01	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
12	HO VAN RON	CLO	99	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOC	CLO	96	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
14	BUI HUU HONG	CLO	05	1	8			85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CONG TAM	CLO	94	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN HUU SON	CLO	95	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
17	BUI TRUNG THO	CLO	98	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN BUI QUANG	CLO	03-04	2	11			69	KHOAN	Vietnamese
19	DO THANH LIEM	CLO	02	1	8			61	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LUC	CLO	97	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
21	BUI VAN QUYET	CLO	93	1	11			90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P7	0	0	0	0	0	0	0 + 1		CHUYEN 1 PAX P7-P5	
2		P5	8	561	11	106	3	38	0			
3		CLO	13	1006	14	95	0	0	19			
		TOTAL	21	1.567	25	201	3	38	19			
		WEIGHT KG		1.567		201		38				

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/05/2025	TO: CLO - CTK3 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - SƠN - THÀNH	ETA: 14:00
XANH-3			

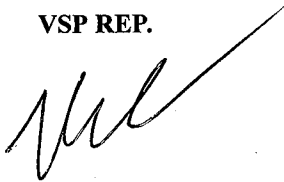
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MINH TIEN	CLO	18	1	7			94	KHOAN	Vietnamese
2	ĐANG MINH TUAN	CLO	15	1	16			87	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THACH	CLO	16	1	7			60	D-HANH	Vietnamese
4	TRAN VIET HO	CLO	14	1	17			77	DVL	Vietnamese
5	HOANG BA THANG	CLO	13	1	17			59	DVL	Vietnamese
6	TRUONG MINH KHANH	CLO	17	1	14			73	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN DUY DONG	CLO	08	1	3			72	PSV	Vietnamese
8	VU MANH HUONG	CLO	10	1	4			52	PSV	Vietnamese
9	NGO VAN THANH	CLO	11-12	2	17			67	PSV	Vietnamese
10	DEMIN YURIY	CLO	09	1	8			99	KHOAN	Russian
11	ĐANG NGOC CUONG	CTK3	12	1	10			82	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC KIM	CTK3	20-21	2	20			61	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN TIEN DUNG	CTK3	18-19	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
14	HA VAN NHIEM	CTK3	15	1	17			67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TO	CTK3	16	1	10	1	12	51	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN TRUNG QUYEN	CTK3	13	1	5	1	17	58	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN XUAN NGOC	CTK3	23	1	12	1	15	78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

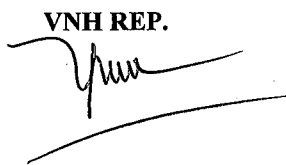
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		CLO	10	740	11	110	0	0	1			
2		CTK3	7	466	9	87	3	44	18			
3		BK6	0	0	0	0	2	25	3			
		TOTAL	17	1.206	20	197	5	69	22			
		WEIGHT KG		1.206		197		69				

GRAND TOAL: 1.472 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

